

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Ngôn ngữ Anh và các đề cương chi tiết kèm theo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1058/QĐ-LĐTBXH ngày 22/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 955/QĐ-ĐHLĐXH ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Lao động - Xã hội theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 986/QĐ-ĐHLĐXH ngày 23/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc mở ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh, trình độ đại học;
Theo đề nghị của Trường phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Ngôn ngữ Anh và các đề cương chi tiết kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chương trình đào tạo và các đề cương chi tiết ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng trong Trường Đại học Lao động - Xã hội từ năm học 2022-2023.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Trưởng khoa Ngoại ngữ, Giám đốc Cơ sở II, Giám đốc Cơ sở Sơn Tây và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- GĐ CSII, GĐ CSST;
- Lưu: VT, P. KH&HTQT.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Ngôn ngữ Anh

*(Ban hành theo Quyết định số 1050/QĐ-ĐHLDXH ngày 30 tháng 5 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)*

NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

MÃ NGÀNH : 7220201

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **Ngôn ngữ Anh**
- Tên tiếng Anh: **ENGLISH LANGUAGE**

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân Ngôn ngữ Anh
- Tên tiếng Anh: Bachelor of English Language

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những sinh viên tốt nghiệp có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong và năng lực nghề nghiệp tương xứng với trình độ được đào tạo, có năng lực tiếng Anh tối thiểu tương đương cấp độ 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để có thể đảm nhận các công việc biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, nghiên cứu, chuyên viên văn phòng cho các tổ chức giáo dục, văn hóa, kinh tế - xã hội, các cơ quan, sở, ban ngành, công ty trong và ngoài nước. Người học có thể tiếp tục học các khóa học chuyên sâu hoặc nâng cao sau khi tốt nghiệp.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

PO1: Có kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, ngôn ngữ và văn hóa, khoa học Mác-Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

PO2: Có kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu, kiến thức thực tế vững chắc về ngôn ngữ Anh và văn hóa các nước nói tiếng Anh; Có kiến thức về nghề nghiệp;

biên-phiên dịch, giảng dạy tiếng Anh, văn phòng;

PO3: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm và khả năng hình thành, phát triển thành chuyên gia trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh;

PO4: Có đầy đủ kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn;

PO5: Có kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ, sử dụng thành thạo tiếng Anh (tương đương cấp độ 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong môi trường giao tiếp đa văn hóa để đảm nhận công việc: biên dịch, phiên dịch; giảng dạy và nghiên cứu về lĩnh vực ngôn ngữ Anh; chuyên viên tại các công ty, sở ngoại vụ, ban/phòng đối ngoại, hợp tác quốc tế; tiếng Trung trong giao tiếp cơ bản (tương đương cấp độ 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam);

PO6: Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, có tư duy hệ thống và độc lập;

PO7: Có phẩm chất chính trị, tuân thủ pháp luật và có sức khỏe tốt;

PO8: Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Thực hiện theo Quyết định số: 1049/QĐ-ĐHLDXH ngày 30/5/2022 về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	<i>Kiến thức cơ bản, nền tảng về ngành</i>	12	9,91%
1.2	<i>Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</i>	38	31,4%
1.3	<i>Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</i>	40	33,05%
1.4	<i>Kiến thức nền tảng rộng</i>	19	15,7%
1.4.1	<i>Khoa học chính trị</i>	11	9,09%
1.4.2	<i>Pháp luật</i>	2	1,65%
1.4.3	<i>Tin học</i>	4	3,3%
1.4.4	<i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>	2	1,65%
1.5	<i>Kiến thức ngành khác</i>	4	3,3%

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.6	<i>Kiến thức đại cương khác</i>	8	6,6%
1.6.1	<i>Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc)</i>	8	6,6%
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 giờ) không tích lũy		
Tổng cộng:		121	100%

2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã học phần học trước	Mã học phần song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
1.1	Khối kiến thức cơ bản, nền tảng về ngành			12						
1.1.1	Các học phần bắt buộc			8						
1.1.1.1	DLNN0622H	Dẫn luận ngôn ngữ	Introduction to Linguistics	2	2					
1.1.1.2	TVTH0622H	Tiếng Việt thực hành	Vietnamese in Use	2	2					
1.1.1.3	VHAM0622H	Văn học Anh- Mỹ	British - American Literature	2	2					
1.1.1.4	GTVH0622H	Giao tiếp liên văn hóa	Intercultural Communication	2	2					
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 2/4)			4						
1.1.2.1	NNĐC0622H	Ngôn ngữ học đối chiếu	Contrastive Linguistics	2	2					
1.1.2.2	PTDN0622H	Phân tích diễn ngôn	Discourse Analysis	2	2					
1.1.2.3	ĐNAM0622H	Đất nước học Anh- Mỹ	British - American Studies	2	2					
1.1.2.4	NNƯD0622H	Ngôn ngữ học ứng dụng	Applied Linguistics	2	2					
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi			38						
1.2.1	Các học phần bắt buộc			34						
1.2.1.1	KNG10622H	Kỹ năng nghe tiếng Anh 1	Listening 1	2	1	1				
1.2.1.2	KNN10622H	Kỹ năng nói tiếng Anh 1	Speaking 1	2	1	1				
1.2.1.3	KNĐ10622H	Kỹ năng đọc tiếng Anh 1	Reading 1	2	1	1				
1.2.1.4	KNV10622H	Kỹ năng viết tiếng Anh 1	Writing 1	2	1	1				
1.2.1.5	KNG20622H	Kỹ năng nghe tiếng Anh 2	Listening 2	2	1	1				
1.2.1.6	KNN20622H	Kỹ năng nói tiếng Anh 2	Speaking 2	2	1	1				
1.2.1.7	KNĐ20622H	Kỹ năng đọc tiếng Anh 2	Reading 2	2	1	1				
1.2.1.8	KNV20622H	Kỹ năng viết tiếng Anh 2	Writing 2	2	1	1				
1.2.1.9	KNG30622H	Kỹ năng nghe tiếng Anh 3	Listening 3	2	1	1				
1.2.1.10	KNN30622H	Kỹ năng nói tiếng Anh 3	Speaking 3	2	1	1				
1.2.1.11	KNĐ30622H	Kỹ năng đọc tiếng Anh 3	Reading 3	2	1	1				
1.2.1.12	KNV30622H	Kỹ năng viết tiếng Anh 3	Writing 3	2	1	1				

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã học phần học trước	Mã học phần song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
1.2.1.13	TAHT0622H	Tiếng Anh viết học thuật	Academic Written English	2	2					
1.2.1.14	NPTA0622H	Ngữ pháp tiếng Anh	English Grammar	2	2					
1.2.1.15	NAAV0622H	Ngữ âm và âm vị học tiếng Anh	English Phonetics and Phonology	2	2					
1.2.1.16	TVTA0622H	Từ vựng học tiếng Anh	English Lexicology	2	2					
1.2.1.17	LTDI0622H	Lý thuyết dịch	Translation Theory	2	2					
1.2.2	Học phần tự chọn (chọn 2/4)			4						
1.2.2.1	KNTT0622H	Kỹ năng thuyết trình Tiếng Anh	English Presentation Skills	2	2					
1.2.2.2	TATC0622H	Tiếng Anh toàn cầu	English as a Global Language	2	2					
1.2.2.3	PPGD0622H	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	English Teaching Methods	2	2					
1.2.2.4	TTNN0622H	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai	First and Second Language Acquisition	2	2					
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ			40						
1.3.1	Học phần bắt buộc			24						
1.3.1.1	TAQT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực	English for Human Resource Management	3	1	2				
1.3.1.2	TACT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Công tác xã hội	English for Social Work	3	3					
1.3.1.3	TABH0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	English for Insurance	3	3					
1.3.1.4	AKLD0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế lao động	English for Labour Economics	3	3					
1.3.1.5	TAKD0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	English for Business Administration	3	3					
1.3.1.6	ALUA0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	English for Laws	3	3					
1.3.1.7	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế	English for Accounting	3	3					

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã học phần học trước	Mã học phần song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
		toán								
1.3.1.8	TATL0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học	English for Psychology	3	3					
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 2/4)			6						
1.3.2.1	AKIT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán	English for Auditing	3	3					
1.3.2.2	TANH0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	English for Finance and Banking	3	3					
1.3.2.3	TATT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	English for IT	3	3					
1.3.2.4	KTĐG0623H	Kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	Testing and Assessment in English Teaching	3	3	2				
1.3.3	TTCK0624T	Thực tập cuối khóa	Final Internship	4	3					
1.3.4	Học phần thay thế hoặc khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)			6						
1.3.4.1	BDPD0623H	Biên- Phiên dịch nâng cao	Advanced Interpretation and Translation	3	3					
1.3.4.2	LTTA0623H	Lý thuyết Tiếng Anh tổng hợp	Integrated Theories of English Language	3	3					
1.3.4.3	KLTN0626T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6						
1.4	Kiến thức nền tảng rộng			19						
1.4.1	Khoa học chính trị			11						
1.4.1.1	THML0723H	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	3					
1.4.1.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	2	2					
1.4.1.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã học phần học trước	Mã học phần song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
1.4.1.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	2	2					
1.4.1.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	2					
1.4.2	Pháp luật			2						
1.4.2.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	2	2					
1.4.3	Tin học và nghiên cứu khoa học			6						
1.4.3.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic Informatics 1	2	2					
1.4.3.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic Informatics 2	2	2					
1.4.3.3	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Research Methodology	2	2					
1.5	Kiến thức khác ngành			4						
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 2/4)			4	4					
1.5.1.1	ĐCVH0322L	Đại cương Văn hóa Việt Nam	Introduction to Vietnamese Culture	2	2					
1.5.1.2	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	Introduction to Sociology	2	2					
1.5.1.3	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	Introduction to Psychology	2	2					
1.5.1.4	LOGI0722L	Logic học	Logics	2	2					
1.6	Kiến thức đại cương khác									
1.6.1	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc)		Foreign Language 2	8	8					
1.6.1.1	TTQ10623H	Tiếng Trung Quốc 1	Chinese 1	3	3					
1.6.1.2	TTQ20623H	Tiếng Trung Quốc 2	Chinese 2	3	3					
1.6.1.3	TTQ30623H	Tiếng Trung Quốc 3	Chinese 3	2	2					
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 TC)									
1.6.2.1	Các học phần bắt buộc			1		1				
	TDĐK1421T	Thể dục - Điền kinh	Gymnastics and Athletics	1		1				
1.6.2.2	Các học phần tự chọn (2/6 HP)									
	BOC11421T	Bóng chuyền 1	Volley ball 1	1		1				

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã học phần học trước	Mã học phần song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volley ball 2	1		1				
	BOR11421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1		1				
	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1		1				
	CLO11421T	Cầu lông 1	Badminton 1	1		1				
	CLO21421T	Cầu lông 2	Badminton 2	1		1				
	Các học phần dành cho sinh viên hạn chế về sức khỏe									
	COV11421L	Cờ vua 1	Chess 1	1		1				
	COV21421L	Cờ vua 2	Chess 2	1		1				
	COV31421L	Cờ vua 3	Chess 3	1		1				
1.6.3	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)									
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	National defense and security guidelines of Vietnam communist party	3	3					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	National defense and security	2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	General military	1	1					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry combat techniques and tactics	2		2				
Tổng cộng				121						

2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ							
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
1	DLNN0622H	Dẫn luận ngôn ngữ học	2			2					
2	TVTH0622H	Tiếng Việt thực hành	2			2					
3	VHAM0622H	Văn học Anh - Mỹ	2				2				
4	GTVH0622H	Giao tiếp liên văn hóa	2				2				
5	NNĐC0622H	Ngôn ngữ học đối chiếu	2					4			
6	PTDN0622H	Phân tích diễn ngôn	2								
7	ĐNAM0622H	Đất nước học Anh - Mỹ	2								
8	NNƯD0622H	Ngôn ngữ học ứng dụng	2								
9	KNG10622H	Kỹ năng nghe tiếng Anh 1	2	2							
10	KNN10622H	Kỹ năng nói tiếng Anh 1	2	2							
11	KNĐ10622H	Kỹ năng đọc tiếng Anh 1	2	2							
12	KNV10622H	Kỹ năng viết tiếng Anh 1	2	2							
13	KNG20622H	Kỹ năng nghe tiếng Anh 2	2		2						
14	KNN20622H	Kỹ năng nói tiếng Anh 2	2		2						
15	KNĐ20622H	Kỹ năng đọc tiếng Anh 2	2		2						
16	KNV20622H	Kỹ năng viết tiếng Anh 2	2		2						
17	KNG30622H	Kỹ năng nghe tiếng Anh 3	2			2					
18	KNN30622H	Kỹ năng nói tiếng Anh 3	2			2					
19	KNĐ30622H	Kỹ năng đọc tiếng Anh 3	2			2					
20	KNV30622H	Kỹ năng viết tiếng Anh 3	2			2					
21	TAHT0622H	Tiếng Anh viết học thuật	2				2				
22	NPTA0622H	Ngữ pháp tiếng Anh	2				2				
23	NAAV0622H	Ngữ âm và âm vị học tiếng Anh	2				2				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ							
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
24	TVTA0622H	Từ vựng học tiếng Anh	2					2			
25	LTDI0622H	Lý thuyết dịch	2					2			
26	KNTT0622H	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	2						4		
27	TATC0622H	Tiếng Anh toàn cầu	2								
28	PPGD0622H	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2								
29	TTNN0622H	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai	2								
30	TAQT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực	3					3			
31	TACT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Công tác xã hội	3					3			
32	TABH0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	3						3		
33	AKLD0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế lao động	3						3		
34	TAKD0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3						3		
35	ALUA0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Luật học	3							3	
36	TATL0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học	3							3	
37	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3							3	
38	AKIT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán	3							6	
39	TANH0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	3								
40	TATT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3								
41	KTĐG0623H	Kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	3								
42	TTCK0624T	Thực tập cuối khóa	4								4
43	KLTN0626T	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
44	BDPD0623H	Biên - Phiên dịch	3								

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ							
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
		nâng cao									
45	LTTA0623H	Lý thuyết tiếng Anh tổng hợp	3								
46	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	3	3							
47	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2							
48	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2						
49	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2					
50	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2						
51	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	2		2						
52	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2			2					
53	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	2	2							
54	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	2		2						
55	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	2				4				
56	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	2								
57	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	2								
58	LOGI0722L	Logic học	2								
59	TTQ10623H	Tiếng Trung Quốc 1	3				3				
60	TTQ20623H	Tiếng Trung Quốc 2	3					3			
61	TTQ30623H	Tiếng Trung Quốc 3	2						2		
62	TĐĐK1421T	Thể dục - Điền kinh	1		1						
63	BOC11421T	Bóng chuyền 1	1		1						
64	BOC21421T	Bóng chuyền 2	1		1						
65	BOR11421T	Bóng rổ 1	1		1						
66	BOR21421T	Bóng rổ 2	1		1						
67	CLO11421T	Cầu lông 1	1		1						
68	CLO21421T	Cầu lông 2	1		1						
69	COV11421L	Cờ vua 1	1		1						
70	COV21421L	Cờ vua 2	1		1						
71	COV31421L	Cờ vua 3	1		1						
72	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3							
73	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2							

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ							
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
74	QSUC1421L	Quân sự chung	1	1							
75	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	2							
	Tổng		121	15	16	16	17	17	15	15	10

2.4.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. Dẫn luận ngôn ngữ học

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 5 chương giới thiệu cho sinh viên những khái niệm cơ bản và quan trọng nhất của ngôn ngữ học như bản chất và chức năng của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ loài người. Ngoài ra, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ sở về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp. Đó là cơ sở để sử dụng tốt ngôn ngữ tiếng Việt, làm tiền đề cho việc so sánh, đối chiếu hai ngôn ngữ.

2. Tiếng Việt thực hành

Số tín chỉ: 02

Học phần được thiết kế thành 5 chương. Mỗi chương gồm các phần được biên soạn đan xen vào nhau: lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào các quy tắc chính tả tiếng Việt. Chương 2 tập trung vào quy tắc dùng từ tiếng Việt. Tương tự, nội dung chương 3 và chương 4 là rèn luyện kỹ năng viết câu tiếng Việt và viết đoạn văn. Chương 5 đi vào rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản.

3. Văn học Anh - Mỹ

Số tín chỉ: 02

Học phần được chia làm 2 phần: Văn học Anh và Văn học Mỹ. Học phần này thuộc khối kiến thức ngành, giới thiệu một số thời kì và tác giả tiêu biểu của dòng văn học Anh-Mỹ từ nửa đầu thế kỷ XIX đến thế kỷ XX.

4. Giao tiếp liên văn hóa

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp một cách tiếp cận những nền văn hóa khác nhau, giúp người học thay đổi quan niệm về bối cảnh giao tiếp trong giai đoạn hiện nay, từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả hơn trong công việc và cuộc sống; giới thiệu đến người học những giá trị văn hóa đối lập và những khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới, đồng thời, áp dụng những lý thuyết này trong việc xem xét những nền văn hóa quen thuộc (Việt Nam) và xa lạ.

5. Ngôn ngữ học đối chiếu

Số tín chỉ: 02

“Ngôn ngữ học đối chiếu” có phạm vi bao quát một lúc nhiều ngôn ngữ, thông thường là từng cặp ngôn ngữ của hai dân tộc tương ứng. Nhiệm vụ khám phá của nó là tìm ra sự giống

nhau và khác nhau của hai phạm vi thuộc hai ngôn ngữ được đưa vào nghiên cứu. Những nghiên cứu theo loại này mang tính chất xuyên ngữ và liên/xuyên văn hóa, nghĩa là việc nghiên cứu bao giờ cũng liên đới với hai ngôn ngữ, đồng thời hai nền văn hóa.

6. Phân tích diễn ngôn

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về phân tích diễn ngôn. Khái niệm cơ bản về liên kết và mạch lạc. Khái niệm cơ bản và các trường hợp cụ thể của các phương tiện liên kết. Khái niệm cơ bản về ngữ cảnh và vai trò của ngữ cảnh trong việc hiểu và sản sinh diễn ngôn, cách thể hiện nội dung của diễn ngôn, cấu trúc tổ chức của diễn ngôn.

7. Đất nước học Anh - Mỹ

Số tín chỉ: 02

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đất nước, con người và văn hóa đặc trưng của Anh quốc và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ như đất nước, lịch sử phát triển của dân tộc, ngôn ngữ và các giá trị truyền thống, về thể chế chính trị, kinh tế, xã hội, gia đình và đời sống xã hội cộng đồng; về pháp luật, giáo dục, thể thao và lễ hội....

8. Ngôn ngữ học ứng dụng

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho người học những tri thức về đặc điểm cốt lõi của ngôn ngữ học ứng dụng; các nội dung cơ bản của ngôn ngữ học ứng dụng; cách thức tiếp nhận các Phương tiện của ngôn ngữ học ứng dụng. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các tri thức về phương pháp và kỹ năng trong phân tích từng phương diện của ngôn ngữ học ứng dụng.

9. Kỹ năng nghe tiếng Anh 1

Số tín chỉ: 02

Học phần này đảm bảo sinh viên đạt trình độ B1+. Thể loại và ngữ cảnh bài nghe đa dạng bao gồm giao tiếp hàng ngày, hội thoại trao đổi, bài nói chuyện, thông báo, bài giảng, tin ngắn, phim tài liệu ngắn. Tốc độ bài nghe vừa phải, phát âm rõ ràng. Nội dung tập trung vào các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống. Học phần bổ sung một số bài nghe phức tạp hơn về hàm ý và nâng cao hơn về mặt từ vựng. Học phần giúp sinh viên nâng cao tính độc lập trong thực hành Nghe hiểu.

10. Kỹ năng nói tiếng Anh 1

Số tín chỉ: 02

Học phần giúp cho sinh viên phát triển kỹ năng nói hướng tới cấp độ B1+ (Trung cấp) theo khung CEFR (Common European Framework). Đây cũng là tiền đề để sinh viên có thể học tiếp học phần Kỹ năng nói tiếng Anh 2 (Cấp độ B2 - Trung cao cấp). Sau khi hoàn tất chương trình, ngoài việc sinh viên có thể tham gia thảo luận các chủ đề đã học một cách thuyết phục và có hệ thống ở trình độ trung cao, sinh viên còn xây dựng được những kỹ năng cơ bản cần thiết phục vụ các môn chuyên ngành.

11. Kỹ năng đọc tiếng Anh 1

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên một lượng từ vựng học thuật nhất định cấp độ B1-B1+ thông qua các chủ đề bài học khác nhau và các hoạt động đọc trên lớp. Đồng thời, học phần

nhằm củng cố các kỹ năng đọc sinh viên và giúp sinh viên tiếp tục phát triển những kỹ năng đọc này, thông qua các bài đọc học thuật và các hoạt động trên lớp.

12. Kỹ năng viết tiếng Anh 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng vững và kiến thức nhất định ở cấp độ B1 thông qua các dạng viết về mô tả và tóm tắt một bản báo cáo. Chú trọng vào cấu trúc viết của một bài báo cáo, tính mạch lạc, cấu trúc ngôn ngữ, từ vựng và mức độ hoàn thành bài.

13. Kỹ năng nghe tiếng Anh 2

Số tín chỉ: 02

Học phần giúp sinh viên đạt được kỹ năng nghe hiểu tương đương trình độ B2. Thể loại và ngữ cảnh bài nghe tương tự như học phần Kỹ năng nghe tiếng Anh 1 nhưng độ dài và tính phức tạp, độ khó của từ vựng tăng lên. Tốc độ bài nghe gần với tốc độ người bản xứ, giọng nói đa dạng. Nội dung tập trung vào các chủ đề quen thuộc có tăng cường nội dung học thuật. Học phần đề cao tính tự lập, sáng tạo của sinh viên trong thực hành Nghe hiểu.

14. Kỹ năng nói tiếng Anh 2

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về hình thức nói ở cấp độ vận dụng tương đối tự nhiên, tương đương ở trình độ B1+ - B2 (dựa trên Khung chung Châu Âu- CEFR), và các chiến lược nói để sinh viên có thể giao tiếp trực diện một cách trực diện, biểu cảm một cách thành thạo. ý kiến và trình bày lý lẽ. Ngoài ra, sinh viên còn được nâng cao vốn từ vựng và kiến thức tổng hợp; tăng năng lực tự học, nghiên cứu, khai thác tài liệu liên quan đến chủ đề bài học.

15. Kỹ năng đọc tiếng Anh 2

Số tín chỉ: 02

Học phần giúp sinh viên phát triển các kỹ năng đọc đã được học ở học phần Kỹ năng đọc tiếng Anh 1. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên một lượng từ vựng học thuật nhất định theo các chủ đề bài học cấp độ B2 + - C1 thông qua các chủ đề bài học khác nhau và các hoạt động đọc trên lớp.

16. Kỹ năng viết tiếng Anh 2

Số tín chỉ: 02

Học phần phát triển kiến thức và kỹ năng viết các dạng bài luận học thuật trong tiếng Anh ở trình độ B2+ - C1, chú trọng các tiêu chí về tính mạch lạc, kết dính, cấu trúc ngôn ngữ, từ vựng và mức độ hoàn thành bài.

17. Kỹ năng nghe tiếng Anh 3

Số tín chỉ: 02

Học phần giúp sinh viên củng cố những kỹ năng nghe hiểu đã được rèn luyện ở học phần Kỹ năng nghe tiếng Anh 2, đảm bảo sinh viên đạt trình độ C1. Thể loại và ngữ cảnh bài nghe đa dạng, tăng cường ngữ liệu học thuật, và ngữ liệu gần với đời sống thực (tốc độ tương đối nhanh, có âm thanh nền và giọng địa phương). Học phần đề cao tính tự lập, sáng tạo và kiên trì của sinh viên trong thực hành Nghe hiểu.

18. Kỹ năng nói tiếng Anh 3

Số tín chỉ: 02

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ C1 thông qua các chủ điểm và tình huống đã được học trong chương trình; hoàn thiện phát âm và ngữ điệu nói tiếng Anh nhờ việc sử dụng kết hợp các phương tiện kỹ thuật như băng, đĩa và giáo cụ trực quan. Sinh viên có thể giao tiếp thông qua các chủ điểm, trao đổi thông tin, trình bày quan điểm, thái độ, cảm xúc.

19. Kỹ năng đọc tiếng Anh 3

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng đọc bài báo từ ngắn đến dài, với độ khó tăng dần và giúp sinh viên phát triển những kỹ năng này ở cấp độ C1. Đồng thời học phần giúp trang bị cho sinh viên một lượng từ vựng báo chí nhất định, và lượng từ vựng theo các chủ đề khác nhau.

20. Kỹ năng viết tiếng Anh 3

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp kiến thức về các đặc điểm, tiêu chí cơ bản của viết tin, nhằm phát triển kiến thức và kỹ năng viết các loại tin; đảm bảo sinh viên đạt trình độ B2+ - C1. Chú trọng các dạng cấu trúc tin, kỹ thuật viết tin, cách dẫn nhập (mở đầu, khởi, lead) và đặt tit (title) căn bản. Sinh viên có khả năng viết các tin ngắn về các sự kiện xảy ra trong cuộc sống.

21. Tiếng Anh viết học thuật

Số tín chỉ: 02

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình viết một bài luận, cách viết mở đầu, thân bài và kết luận, cách liên kết câu, đoạn, biết cách viết các thể loại luận khác nhau như kể chuyện, so sánh, nguyên nhân kết quả và nghị luận. Mặt khác, học phần cũng cung cấp cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng về cách lập dàn ý, phát triển luận điểm, liên kết đoạn trong bài luận, biết cách rà soát, chỉnh sửa, nhận xét phê bình và biên tập bài viết.

22. Ngữ pháp tiếng Anh

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản liên quan đến ngữ pháp tiếng Anh. Cụ thể, học phần cung cấp các chuyên đề ngữ pháp thường gặp như các thì của động từ, câu điều kiện, câu bị động, lời nói trực tiếp, gián tiếp, mệnh đề quan hệ và câu so sánh của tính từ và trạng từ. Sinh viên có cơ hội thực hành, củng cố và ôn tập nhiều dạng bài tập khác nhau trong mỗi đơn vị bài học.

23. Ngữ âm và Âm vị học Tiếng Anh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp các cơ quan phát âm, các quy tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh; chỉ ra các đặc điểm phát âm của các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh dựa trên hệ thống phân loại. Vận dụng kiến thức để cải thiện cách phát âm, giúp cho kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của mình tự tin và hiệu quả hơn.

24. Từ vựng học Tiếng Anh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đối tượng, mục tiêu, vai trò của từ vựng học, từ đó thấy được sự khác biệt giữa nó và các môn học khác về ngôn ngữ. Phân biệt được các loại từ, các mối quan hệ về từ và nghĩa, sự đa nghĩa của ngôn ngữ cũng như mối quan hệ giữa nghĩa và người sử dụng. Áp dụng các kiến thức từ vựng học đã học để diễn đạt ý tưởng tốt nhất và hiệu quả nhất trong giao tiếp hằng ngày cũng như trong các tình huống giao tiếp kinh doanh.

25. Lý thuyết dịch

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về việc dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Qua đó sinh viên nắm được cấu trúc câu đặc trưng và vốn từ vựng phong phú của cả hai ngôn ngữ để dịch chính xác nội dung. Các bài học có đề tài về văn hóa, du lịch, kinh tế và y tế nhằm giúp sinh viên hình thành thói quen đọc đoán ý chính, ý phụ cũng như thảo luận đưa ra phương án dịch phù hợp.

26. Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên cách thu thập tài liệu, lựa chọn và phát triển các đề tài cụ thể, chuẩn bị dàn ý chi tiết, thực hành trình bày tại lớp. Trong khi thuyết trình, sinh viên vận dụng những ngôn ngữ hình thể đã tìm hiểu được để làm cho bài nói của mình thêm sinh động, thu hút người nghe. Từ đó giúp sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng trình bày trước công chúng với lập luận chặt chẽ, phản biện logic trên tinh thần xây dựng không chỉ ở bộ môn này mà còn ở các bộ môn khác.

27. Tiếng Anh toàn cầu

Số tín chỉ: 02

Học phần giới thiệu cách thức và hệ quả của quá trình toàn cầu hóa đã biến tiếng Anh trở thành một ngôn ngữ quốc tế như thế nào, bản chất đa dạng của tiếng Anh ngày nay với tư cách như là một ngôn ngữ toàn cầu sẽ phát sinh những vấn đề trong việc dạy và học tiếng Anh; liệu chúng ta có cần tuân thủ một mô hình chuẩn mực vốn có của người bản ngữ nói tiếng Anh hay hướng đến sự chấp nhận và phát triển các biến thể tiếng Anh ngoài tiếng Anh bản ngữ.

28. Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

Số tín chỉ: 02

Học phần giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức sâu hơn về phương pháp giảng dạy tiếng Anh liên quan tới cách thức và chiến lược dạy hệ thống ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), phát triển kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và thiết kế hoạt động dạy học một cách hiệu quả. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ được hướng dẫn cách thiết kế bài giảng, bài kiểm tra và tổ chức các hoạt động học phù hợp cho học sinh.

29. Tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai

Số tín chỉ: 02

Học phần tập trung vào các vấn đề liên quan đến việc tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và

tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai, các vấn đề liên quan đến giải thích việc tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai.

30. Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực

Số tín chỉ: 03

Học phần này bao quát các nội dung tiếng Anh về những lĩnh vực quan trọng trong quản trị nhân lực như kỹ năng quản lý, tuyển dụng, hợp đồng lao động, bảo hộ lao động và tiền lương tiền thưởng.

31. Tiếng Anh chuyên ngành Công tác xã hội

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho người học những cụm từ và thuật ngữ cơ bản bằng tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành công tác xã hội như định nghĩa công tác xã hội, nhân viên công tác xã hội làm gì, tương tác trong công tác xã hội, giao tiếp trong công tác xã hội, công tác xã hội với cá nhân, nhóm và gia đình, buôn bán phụ nữ và trẻ em...để sinh viên có thể đọc hiểu tài liệu cơ bản bằng tiếng Anh về chuyên ngành công tác xã hội.

32. Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, từ ngữ tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành Bảo hiểm. Bên cạnh đó, rèn luyện thái độ tích cực, ý thức tự học và kỹ năng làm việc nhóm. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có khả năng đọc hiểu các thông tin cơ bản về ngành Bảo hiểm: Hiểu được các khái niệm, thuật ngữ tiếng Anh cơ bản về Bảo hiểm; Nắm vững và sử dụng từ ngữ, thuật ngữ chuyên ngành phù hợp; Đọc hiểu các thông tin cơ bản về Bảo hiểm.

33. Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế lao động

Số tín chỉ: 03

Học phần này bao quát các nội dung tiếng Anh về những lĩnh vực quan trọng trong Kinh tế lao động như kỹ năng quản lý, tuyển dụng, hợp đồng lao động, bảo hộ lao động và tiền lương tiền thưởng...

34. Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho người học các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh liên quan đến những lĩnh vực quan trọng trong quản trị kinh doanh như marketing quốc tế, kế hoạch kinh doanh, hành vi tổ chức, kỹ năng quản lý và lãnh đạo...

35. Tiếng Anh chuyên ngành Luật

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, thuật ngữ tiếng Anh trong ngành luật như luật doanh nghiệp, luật lao động, luật bảo trợ xã hội, luật cạnh tranh, luật thương mại...

36. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, thuật ngữ tiếng Anh trong ngành Kế toán như: lĩnh vực kế toán, các nguyên lý kế toán, sổ sách kế toán, các báo cáo tài chính, tài khoản ngân hàng, kiểm toán...

37. Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho người học kiến thức tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành Tâm lý học như giới thiệu về tâm lý học, hành vi của con người và môi trường xã hội, phát triển nhận thức trong tâm lý học, phát triển cá tính...

38. Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho người học các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán liên quan đến những lĩnh vực quan trọng trong Kiểm toán như chương trình Kiểm toán, lập kế hoạch Kiểm toán trong doanh nghiệp, thủ tục phân tích trong kiểm toán báo cáo tài chính....

39. Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, thuật ngữ, từ vựng thông dụng về tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng và ôn tập lại các dạng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh

40. Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho sinh viên các thuật ngữ, từ vựng thông dụng về tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin có liên quan đến máy tính, đặc điểm của máy tính, phần cứng và phần mềm, bảng mạch chủ, đĩa lưu trữ thông tin và ôn tập lại các dạng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.

41. Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh

Số tín chỉ: 03

Học phần này cung cấp các khái niệm lý thuyết cơ bản và các vấn đề về đánh giá ngôn ngữ, cũng như năng lực trong việc tự mình xây dựng hoặc lựa chọn đúng những công cụ đánh giá sẵn có, viết báo cáo và phân tích các kết quả đánh giá. Học phần đi sâu phân tích các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá trong dạy học Tiếng Anh như các nội dung về từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng ngôn ngữ, các bước cơ bản trong thiết kế một bài kiểm tra tiếng Anh phù hợp với yêu cầu của chương trình và trình độ người học.

42. Thực tập cuối khóa

Số tín chỉ: 04

Thực tập cuối khóa là điều kiện để sinh viên hoàn thành chương trình học tập tại trường. Sau đợt thực tập này sinh viên phải làm luận văn tốt nghiệp hoặc học và thi học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp để hoàn thành chương trình học tập. Thực tập cuối khóa giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường và giúp phát huy tối đa khả năng trí tuệ của mình, vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn để có được một cái nhìn mới mẻ và sâu sắc về nghề nghiệp của mình.

43. Biên - Phiên dịch nâng cao

Số tín chỉ: 03

Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên sâu và lý luận ngôn ngữ Anh vào hoạt động biên - phiên dịch, tiếp cận những kỹ năng dịch ở cấp độ nâng cao và các kỹ

thuật dịch để làm việc với các loại văn bản khác nhau. Học phần cũng đồng thời giúp sinh viên tích lũy kiến thức về các vấn đề toàn cầu, xây dựng vốn từ vựng phong phú về các chủ đề quen thuộc, phát triển khả năng tự học và xây dựng ý thức tự rèn luyện. Dịch các văn bản, bài báo, tạp chí bằng tiếng Anh-Việt, thực hiện các hình thức bài tập: dịch cụm từ, dịch từng câu, dịch đoạn, sửa lỗi sai, chuyển đổi cách diễn đạt khác nhau...

44. Lý thuyết tiếng Anh tổng hợp

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp kiến thức lý thuyết nâng cao về ngữ âm và âm vị học tiếng Anh, từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh, và ngữ pháp lý thuyết tiếng Anh.

45. Khóa luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 06

Khóa luận tốt nghiệp được xem là một công trình nghiên cứu khoa học chỉ dành cho những người học đạt kết quả học tập tốt trong gần suốt 7 kì học của chương trình đào tạo bậc cử nhân Ngôn ngữ Anh dưới sự hỗ trợ của giáo viên hướng dẫn. Khóa luận tốt nghiệp giúp người học vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào làm đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo; rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo; rèn luyện cho người học tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.

46. Triết học Mác - Lênin

Số tín chỉ: 03

Học phần trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

47. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Số tín chỉ: 2

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

48. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh được cấu trúc thành 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về

Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân và vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

49. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 5 chương trình bày về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); và Chương tổng kết.

50. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 02

Học gồm 7 chương trình bày nội dung tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

51. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; Hệ thống pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam; Pháp chế xã hội chủ nghĩa; pháp luật về phòng chống tham nhũng.

52. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về tin học để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc tương đương.

53. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ sở dữ liệu (Database), cơ sở dữ liệu quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

54. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 8 chương trình bày những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu khoa học, nhất là bài báo khoa học và khóa luận tốt nghiệp; Cách tổ chức thực hiện đề tài và đánh giá đề tài; Đạo đức khoa học; Đánh giá nghiên cứu khoa học.

55. Đại cương văn hóa Việt Nam

Số tín chỉ: 02

Học phần Đại cương văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Văn hóa Việt: Khái niệm văn hóa, văn minh, giao lưu tiếp biến văn hóa, âm dương ngũ hành; Các lý thuyết về văn hóa vùng miền, văn hóa ẩm thực, ăn mặc, tôn giáo, tín ngưỡng của con người Việt Nam.

56. Xã hội học đại cương

Số tín chỉ: 02

Xã hội học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất và cơ sở xã hội của các vấn đề, các sự kiện xã hội; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu xã hội, khái quát sự hình thành và phát triển của xã hội học và các hiện tượng xã hội; Các khái niệm và một số lý thuyết cơ bản của xã hội học.

57. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

58. Logic học

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 6 chương, trình bày những kiến thức cơ bản của môn Logic học, trong đó cung cấp những kiến thức sau: đối tượng và ý nghĩa của Logic học, khái niệm, phán đoán, Những quy luật cơ bản của Logic hình thức, suy luận, chứng minh, bác bỏ và giả thuyết nhằm rèn luyện và hình thành cho sinh viên thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học từ đó định hướng hoạt động thực tiễn.

59. Tiếng Trung Quốc 1

Số tín chỉ: 03

Học phần tiếng Trung Quốc 1 trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp và những câu giao tiếp đơn giản theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Học phần gồm 10 nội dung chính được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài học từ bài 1 đến bài 10 trong Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy

60. Tiếng Trung Quốc 2

Số tín chỉ: 03

Học phần gồm 15 nội dung chính được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài học từ bài 16 đến bài 30 trong Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại. Mỗi bài học gồm 5 phần: Bài khóa; từ mới; ngữ pháp, ngữ âm; luyện tập. Bắt đầu từ luyện tập ngữ âm cơ bản tiếng Hán, từ đó tiến hành giảng dạy kết cấu ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, cuối cùng là giai đoạn giảng dạy ngữ đoạn, thông qua sự hiểu biết sâu hơn về ngữ pháp và vận dụng từ ngữ, để nâng cao hơn nữa khả năng biểu đạt thành đoạn văn của người học.

61. Tiếng Trung Quốc

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thực hành tiếng để có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn sau này. Đồng thời, Học phần cung cấp cho người học những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề gần gũi với cuộc sống và các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết ở trình độ tiền trung cấp. Học phần gồm 10 đơn vị bài học về các chủ đề khác nhau như: Âm nhạc, thời tiết, du lịch...

62. Thể dục - Điền kinh

Số tín chỉ: 01

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận động về:

- Bài tập phát triển chung 13 động tác;
- Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng; Một số điều Luật thi đấu môn nhảy cao.

63. Bóng chuyền 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, đệm bóng bằng hai tay dưới thấp và kỹ thuật phát bóng.

64. Bóng chuyền 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

65. Bóng rổ 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

66. Bóng rổ 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

67. Cầu lông 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, Cách cầm vợt, Các tư thế CBCB, Kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật phát cầu, Kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

68. Cầu lông 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, Cách cầm vợt, Các tư thế CBCB, Kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật phát cầu, Kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

69. Cờ vua 1

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về cờ vua như nguồn gốc ra đời của môn cờ vua, lịch sử hình thành, phát triển của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam, xu hướng phát triển, tác dụng của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam, Giai đoạn tàn cuộc của ván đấu, một số điều luật trong cờ vua.

70. Cờ vua 2

Số tín chỉ: 01

Ôn tập nội dung chính của Cờ vua 1; giai đoạn khai cuộc của ván đấu; một số điều luật trong cờ vua.

71. Cờ vua 3

Số tín chỉ: 01

Ôn tập nội dung chính của cờ vua 2 và một phần cờ vua 1; giai đoạn trung cuộc của ván đấu; một số điều luật trong cờ vua.

72. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

73. Công tác quốc phòng an ninh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, an ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống

các đe dọa an ninh phi truyền thống và vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở Việt Nam.

74. *Quân sự chung*

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh: hiểu biết về lịch sử ra đời, truyền thống của các quân binh chủng trong quân đội; các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, các nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết và biết cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự; hiểu biết về vũ khí công nghệ cao và cách phòng chống trong chiến tranh; rèn luyện và thi đấu ba môn quân sự phối hợp.

75. *Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tính năng, cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lựu đạn. Trình tự các bước thực hành ngắm bắn và trình tự các bước thực hành ném lựu đạn. Kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và cảnh giới.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng